

Started on	Thursday, 19 October 2023, 10:42 AM
State	Finished
Completed on	Thursday, 19 October 2023, 10:42 AM
Time taken	7 secs
Marks	0.00/55.00
Grade	0.00 out of 10.00 (0%)

Question 1

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây KHÔNG đúng khi nói về lỗ hổng Zero-day

- ☐ a. Là lỗ hổng nhà sản xuất chưa kịp vá
- ☐ b. Là lỗ hổng nguy hiểm khi tấn công vào hệ thống chưa có giải pháp bảo vệ
- ☐ c. Là lỗ hổng hacker chưa công bố rộng rãi
- ☐ d. Là lỗ hổng phá hoại hệ thống trong vòng một ngày

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Là lỗ hổng phá hoại hệ thống trong vòng một ngày

Question 2

Not answered

Marked out of 1.00

Các giải pháp mã hóa KHÔNG đảm bảo được tính chất nào sau đây

- ☐ a. Tính xác thực
- ☐ b. Tính toàn vẹn
- ☐ c. Tính sẵn sàng
- ☐ d. Tính bí mật

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Tính sẵn sàng

Question 3

Not answered

Marked out of 1.00

Đảm bảo dữ liệu không bị sửa đổi trong quá trình lưu trữ hay trong quá trình truyền qua mạng bởi những người dùng không hợp pháp gọi là?

- ☐ a. Non-repudiation
- ☐ b. Availability
- ☐ c. Confidentiality
- ☐ d. Integrity

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Integrity

Question 4

Not answered

Marked out of 1.00

Mục đích chính của chương trình nâng cao nhận thức bảo mật là?

- ☐ a. Rootkit
- ☐ b. Code Red
- ☐ c. Ransomware
- ☐ d. Logic boom

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Ransomware

Question 5

Not answered

Marked out of 1.00

Phương pháp nào sau đây là TỐT NHẤT để giảm hiệu quả của các cuộc tấn công lừa đảo trên mạng?

- ☐ a. Phần mềm chống lừa đảo
- ☐ b. Xác thực 2 yếu tố
- ☐ c. Đào tạo nâng cao nhận thức người dùng
- ☐ d. Quét lỗ hổng cho hệ thống định kỳ

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Đào tạo nâng cao nhận thức người dùng

Question 6

Not answered

Marked out of 1.00

Rủi ro chính từ việc sử dụng phần mềm lỗi thời (outdated software) là gì

- ☐ a. Nó có thể không còn được hỗ trợ bởi các nhà cung cấp
- ☐ b. Nó có thể không có các tính năng bảo mật hiện đại nhất
- ☐ c. Nó có thể không có tất cả các tính năng bạn cần
- ☐ d. Có thể dễ dàng xâm nhập hơn phần mềm mới hơn

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Nó có thể không còn được hỗ trợ bởi các nhà cung cấp

Question 7

Not answered

Marked out of 1.00

Nếu bạn chia sẻ quá nhiều thông tin trên phương tiện truyền thông xã hội, bạn có thể gặp rủi ro gì?

- ☐ a. Mã độc (malware)
- ☐ b. Đánh cắp tiền
- ☐ c. Ransomware
- ☐ d. Tấn công giả mạo (Phishing)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Tấn công giả mạo (Phishing)

Question 8

Not answered

Marked out of 1.00

Frank rất quan tâm đến các cuộc tấn công vào máy chủ thương mại điện tử của công ty. Ông đặc biệt lo lắng về tấn công SQL Injection. Điều nào sau đây sẽ bảo vệ tốt nhất trước cuộc tấn công cụ thể này?

- ☐ a. Firewall
- ☐ b. IDS
- ☐ c. Lọc dữ liệu người dùng nhập vào
- ☐ d. Lưu lượng truy cập web được mã hóa

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Lọc dữ liệu người dùng nhập vào

Question 9

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây đúng khi nói về tấn công làm tràn bộ đệm (buffer Overflow)

- ☐ a. Ghi đè các giá trị lên các biến của chương trình nhằm thay đổi hành vi của chương trình theo mục đích của kẻ tấn công
- ☐ b. Xảy ra do kiểm tra dữ liệu đầu vào không đầy đủ hoặc bị bỏ qua
- ☐ c. Xóa dữ liệu người dùng
- ☐ d. Kẻ tấn công gửi các chuỗi dữ liệu lớn làm tràn bộ đệm đã được thiết kế cho chương trình

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Kẻ tấn công gửi các chuỗi dữ liệu lớn làm tràn bộ đệm đã được thiết kế cho chương trình

Question 10

Not answered

Marked out of 1.00

Câu nào sau đây KHÔNG phải là một cơ chế điều khiển truy cập?

- ☐ a. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ b. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Subjective Access Control (SAC)
- ☐ e. Role Based Access Control (RBAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Subjective Access Control (SAC)

Question 11

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây xảy ra khi một chuỗi dữ liệu được gửi đến bộ đệm lớn hơn bộ đệm được thiết kế để xử lý?

- ☐ a. Brute Force attack
- ☐ b. Buffer overflow
- ☐ c. SYN flood
- ☐ d. Blue Screen of Death
- ☐ e. Spoofing attack
- ☐ f. Man in the middle attack

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Buffer overflow

Question 12

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây mô tả tốt nhất cơ chế kiểm soát truy cập trong đó các quyết định kiểm soát truy cập dựa trên trách nhiệm của người dùng trong một tổ chức?

- ☐ a. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ b. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Subjective Access Control (SAC)
- ☐ e. Attribute Based Access Control (ABAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Role Based Access Control (RBAC)

Question 13

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây mô tả đúng nhất cơ chế kiểm soát truy cập cho phép chủ sở hữu dữ liệu tạo và quản lý kiểm soát truy cập?

- ☐ a. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ b. List Based Access Control (LBAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ e. Mandatory Access Control (MAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

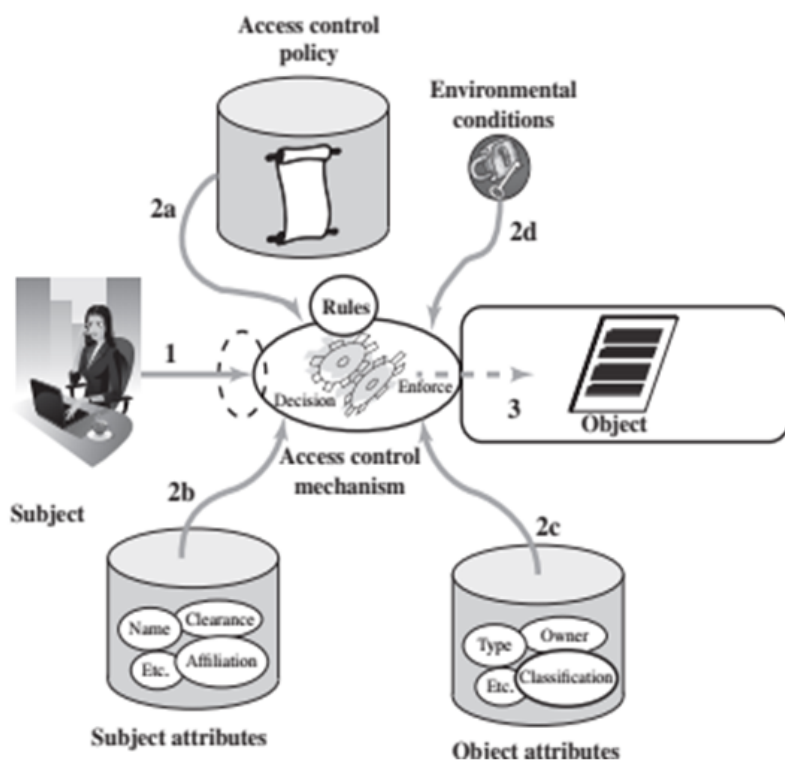
Discretionary Access Control (DAC)

Question 14

Not answered

Marked out of 1.00

Hình sau đây mô tả đúng nhất cơ chế kiểm soát truy cập nào



- ☐ a. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ b. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ c. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ d. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ e. List Based Access Control (LBAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Attribute Based Access Control (ABAC)

Question 15

Not answered

Marked out of 1.00

Ma trận điều khiển truy cập (Access control matrix) thể hiện mối quan hệ giữa các thành phần nào sau đây? (chọn 3)

- ☐ a. Subject
- ☐ b. Users
- ☐ c. Database
- ☐ d. Rights/Permissions
- ☐ e. Object
- ☐ f. Security policy

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Subject, Object, Rights/Permissions

Question 16

Not answered

Marked out of 1.00

Từ ma trận điều khiển truy cập, ta có thể suy ra các thông tin nào sau đây?

- ☐ a. Access control lists
- ☐ b. Capability lists
- ☐ c. Group policy objects
- ☐ d. Objects orientation list
- ☐ e. Subjects orientation lists

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are: Access control lists, Capability lists

Question 17

Not answered

Marked out of 1.00

Mô hình AAA liên quan đến các chứng năng nào sau đây?

- ☐ a. Accessing
- ☐ b. Authorization
- ☐ c. Automation
- ☐ d. Authentication
- ☐ e. Availability
- ☐ f. Accounting

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are: Authentication, Authorization, Accounting

Question 18

Not answered

Marked out of 1.00

Access control liên quan đến 2 chức năng chính là?

- ☐ a. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ b. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ c. Authentication
- ☐ d. Rule Based Access Control
- ☐ e. Authorization

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Authentication, Authorization

Question 19

Not answered

Marked out of 1.00

Cho mô tả sau: User Nam có quyền đọc và ghi trên file bt1. Nam cũng có quyền đọc trên file bt2 và có quyền thực thi trên file bt3.

User Ha có quyền đọc trên file bt1. Hà có quyền đọc và ghi trên file bt2. Hà không có quyền truy cập trên file bt3.

Xác định **ACL** (Access control list) đối với file **bt2**

- ☐ a. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read\}, Ha: \{read, write\}}$
- ☐ b. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read, write\}, Ha: \{read\}}$
- ☐ c. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read, execute\}, Ha: \{read, write\}}$
- ☐ d. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read\}, Ha: \{read\}}$
- ☐ e. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read, write\}, Ha: \{read, write\}}$

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

$ACL(bt2) = \text{Nam: \{read\}, Ha: \{read, write\}}$

Question 20

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công Buffer Overflow có hai loại là?

- ☐ a. Heap và network overflow
- ☐ b. Stack và memory
- ☐ c. SQL injection và XSS
- ☐ d. Stack và SQL injection
- ☐ e. Heap và stack

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Heap và stack

Question 21

Not answered

Marked out of 1.00

Cho mô tả sau: User Nam có quyền đọc và ghi trên file bt1. Nam cũng có quyền đọc trên file bt2 và có quyền thực thi trên file bt3.

User Ha có quyền đọc trên file bt1. Hà có quyền đọc và ghi trên file bt2. Hà không có quyền truy cập trên file bt3.

Xác định **CList** (Capability list) đối với user **Ha**?

- ☐ a. CList(Ha) = bt1: {read}, bt2: {read, write}, bt3: {read, write}
- ☐ b. CList(Ha) = bt1: {read}, bt2: {read, write}, bt3: {}
- ☐ c. CList(Ha) = bt1: {}, bt2: {write}, bt3: {}
- ☐ d. CList(Ha) = bt1: {read, write}, bt2: {write}, bt3: {read}
- ☐ e. CList(Ha) = bt1: {read, write}, bt2: {read, write}, bt3: {}

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

CList(Ha) = bt1: {read}, bt2: {read, write}, bt3: {}

Question 22

Not answered

Marked out of 1.00

John muốn thêm luật (rule) vào ACL cho tệp script00.sh để cấp cho student04 quyền đọc và ghi đối với tệp đó. Lệnh nào sau đây được thực hiện?

- ☐ a. getfacl -m u:student04:rw- script00.sh
- ☐ b. setfacl -m u:student04:rw- script00.sh
- ☐ c. setfacl -x u:student04:rw- script00.sh
- ☐ d. getfacl -x u:student04:rw- script00.sh

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

setfacl -m u:student04:rw- script00.sh

Question 23

Not answered

Marked out of 1.00

Giải pháp StackGuard giúp phòng chống tấn công tràn bộ đệm trên stack thực hiện như sau

- ☐ a. Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ b. Lưu trữ giá trị Return Address ở một nơi khác và sử dụng nó để kiểm tra xem giá trị ở Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ c. Kiểm tra giá trị Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ d. Kiểm tra chiều dài dữ liệu nhập trước khi thực hiện việc gán dữ liệu

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không

Question 24

Not answered

Marked out of 1.00

Mục tiêu chính của an toàn thông tin là đảm bảo các tính chất theo mô hình **C-I-A** là?

- ☐ a. Tính sẵn sàng
- ☐ b. Tính dễ mở rộng
- ☐ c. Tính xác thực
- ☐ d. Tính toàn vẹn
- ☐ e. Tính bí mật
- ☐ f. Tính chống chối bỏ

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Tính sẵn sàng, Tính toàn vẹn, Tính bí mật

Question 25

Not answered

Marked out of 1.00

Trong tổ chức bộ nhớ của chương trình C, phần Data-Segment lưu các thông tin gì của chương trình?

- ☐ a. Lưu mã nguồn thực thi
- ☐ b. Lưu các biến static/global đã được khởi tạo trong chương trình
- ☐ c. Lưu các biến static/global chưa được khởi tạo trong chương trình
- ☐ d. Lưu các đối số của một hàm
- ☐ e. Lưu các biến cục bộ trong chương trình

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Lưu các biến static/global đã được khởi tạo trong chương trình

Question 26

Not answered

Marked out of 1.00

Phần nào trong kiến trúc bộ nhớ lưu trữ biến cục bộ trong chương trình, các dữ liệu liên quan đến lời gọi hàm?

- ☐ a. Stack
- ☐ b. Heap
- ☐ c. BSS segment
- ☐ d. Text
- ☐ e. Data Segment

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Stack

Question 27

Not answered

Marked out of 1.00

Mục đích chính của các kỹ thuật điều khiển truy cập là?

- ☐ a. Cung cấp tất cả các quyền truy cập cho người dùng
- ☐ b. Bảo vệ máy tính khỏi virus
- ☐ c. Ngăn chặn người dùng trái phép truy cập vào tài nguyên hệ thống
- ☐ d. Giới hạn các quyền truy cập và các hành động cho người dùng hợp pháp được sử dụng

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Giới hạn các quyền truy cập và các hành động cho người dùng hợp pháp được sử dụng

Question 28

Not answered

Marked out of 1.00

Cho hai số nguyên tố $p=13$, $q=19$, giá trị e nào sẽ được chọn trong thuật toán mã hóa RSA từ số các giá trị sau:

- ☐ a. 47
- ☐ b. 27
- ☐ c. 39
- ☐ d. 21

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

47

Question 29

Not answered

Marked out of 1.00

Giả sử thuật toán RSA đã tạo ra cặp khóa public (7,187) và private (23,187). Message $M = 12$ sẽ được mã hóa thành gì?

- ☐ a. 17
- ☐ b. 121
- ☐ c. 177
- ☐ d. 133

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

177

Question 30

Not answered

Marked out of 1.00

Giả sử thuật toán RSA đã tạo ra cặp khóa public (7,187) và private (23,187). Muốn tạo chữ kí cho message $M = 3$ sẽ được tính là?

- ☐ a. 181
- ☐ b. 121
- ☐ c. 23
- ☐ d. 137

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

181

Question 31

Not answered

Marked out of 1.00

Trong mã hóa bất đối xứng (còn gọi là mã hóa hóa công khai). Bob muốn tạo 1 chữ ký cho văn bản M để gửi cho Alice. Bob cần dùng khóa gì?

- ☐ a. Khóa Private của Bob
- ☐ b. Khóa Private của Alice
- ☐ c. Khóa Public của Alice
- ☐ d. Khóa Public của Bob

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Khóa Private của Bob

Question 32

Not answered

Marked out of 1.00

Trong mã hóa bất đối xứng (còn gọi là mã hóa hóa công khai). Alice cần **giải mã** văn bản mà Bob gửi cho thì Alice cần dùng khóa gì?

- ☐ a. Khóa Public của Alice
- ☐ b. Khóa Private của Bob
- ☐ c. Khóa Private của Alice
- ☐ d. Khóa Public của Bob

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Khóa Private của Alice

Question 33

Not answered

Marked out of 1.00

Thuật toán DES – Data Encryption Standard có kích thước khối, kích thước khóa gì?

- ☐ a. Khối 56bit, khóa 48bit
- ☐ b. Khối 64bit, khóa 56bit
- ☐ c. Khối 64bit, khóa 48bit
- ☐ d. Khối 56bit, khóa 48bit

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Khối 64bit, khóa 56bit

Question 34

Not answered

Marked out of 1.00

Diffie - Hellman là thuật toán dùng để:

- ☐ a. Tạo khoá
- ☐ b. Hash
- ☐ c. Trao đổi khóa
- ☐ d. Mã hóa

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Trao đổi khóa

Question 35

Not answered

Marked out of 1.00

Để đảm bảo tính toàn vẹn của message, các giải pháp nào được dùng? (chọn 2)

- ☐ a. Mã hóa đối xứng
- ☐ b. Hash
- ☐ c. MAC – Message Authentication code
- ☐ d. Mã hóa khối

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Hash, MAC – Message Authentication code

Question 36

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào sau đây là tấn công bị động (passive)

- ☐ a. Ransomware
- ☐ b. Crack password
- ☐ c. DoS
- ☐ d. Scan port

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Scan port

Question 37

Not answered

Marked out of 1.00

Đặc điểm của tấn công chủ động (active)

- ☐ a. Dễ ngăn chặn
- ☐ b. Không ảnh hưởng đến hệ thống
- ☐ c. Khó phát hiện
- ☐ d. Dễ phát hiện

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Dễ phát hiện

Question 38

Not answered

Marked out of 1.00

Mã độc Rootkit thường trú ẩn ở đâu?

- ☐ a. Text file
- ☐ b. Boot Sector
- ☐ c. Hệ điều hành
- ☐ d. RAM

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Hệ điều hành

Question 39

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào vượt qua được cơ chế bảo mật máy tính để truy cập vào máy tính không thông qua hệ thống xác thực?

- ☐ a. Front door
- ☐ b. Backdoor
- ☐ c. Brute Force
- ☐ d. DoS

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Backdoor

Question 40

Not answered

Marked out of 1.00

John muốn thêm luật (rule) vào ACL cho tệp script00.sh để cấp cho nhóm **sysop** quyền đọc và thực thi đối với tệp đó. Lệnh nào sau đây được thực hiện?

- ☐ a. setfacl -x o:sysop:r-x script00.sh
- ☐ b. setfacl -x g:sysop:r-x script00.sh
- ☐ c. setfacl -m u:sysop:r-x script00.sh
- ☐ d. setfacl -m g:sysop:r-x script00.sh

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

setfacl -m g:sysop:r-x script00.sh

Question 41

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào sau đây là tấn công chủ động (active)

- ☐ a. Sniffing
- ☐ b. DoS
- ☐ c. Scan port
- ☐ d. ping

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

DoS

Question 42

Not answered

Marked out of 1.00

Thành phần nào KHÔNG phải là của virus?

- ☐ a. Cơ chế lây nhiễm
- ☐ b. Payload - những gì nó làm, độc hại hay lành tính
- ☐ c. Password
- ☐ d. Trigger - sự kiện làm cho payload được kích hoạt

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Password

Question 43

Not answered

Marked out of 1.00

Hai dạng mã độc nào sau đây sống độc lập?

- ☐ a. Zombie
- ☐ b. Trojan
- ☐ c. Rootkit
- ☐ d. Logic boom
- ☐ e. Worm

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Worm, Zombie

Question 44

Not answered

Marked out of 1.00

Mã độc nào KHÔNG lây nhiễm?

- ☐ a. Zombie
- ☐ b. Trojan
- ☐ c. Worm
- ☐ d. Virus

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Trojan

Question 45

Not answered

Marked out of 1.00

Metamorphic virus có đặc điểm gì?

- ☐ a. Lẩn tránh phát hiện nhờ thông minh
- ☐ b. Lẩn tránh phát hiện thông qua nén kích thước
- ☐ c. Lẩn tránh phát hiện nhờ mã hóa
- ☐ d. Lẩn tránh phát hiện thông qua việc ghi đè lên chính nó

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Lẩn tránh phát hiện thông qua việc ghi đè lên chính nó

Question 46

Not answered

Marked out of 1.00

Firewall lọc gói dữ liệu dựa vào những yếu tố nào?

- ☐ a. Hệ điều hành của server
- ☐ b. Vị trí đặt server
- ☐ c. IP nguồn, IP đích
- ☐ d. Đường link

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

IP nguồn, IP đích

Question 47

Not answered

Marked out of 1.00

Một hệ thống xác thực sinh trắc học xác định một người dùng hợp pháp là trái phép khi vào hệ thống là hiện tượng gì sau?

- ☐ a. True negative
- ☐ b. True positive
- ☐ c. False negative
- ☐ d. False positive

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

False positive

Question 48

Not answered

Marked out of 1.00

Một hệ thống xác thực sinh trắc học cho phép một người giả mạo hình thức nhân viên công ty khi vào hệ thống là hiện tượng gì sau?

- ☐ a. False positive
- ☐ b. False negative
- ☐ c. True positive
- ☐ d. True negative

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: False negative

Question 49

Not answered

Marked out of 1.00

Ví dụ nào sau đây là ví dụ về xác thực hai yếu tố?

- ☐ a. Thumbprint và card
- ☐ b. Client và server
- ☐ c. Username và password
- ☐ d. L2TP và IpSec

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Thumbprint và card

Question 50

Not answered

Marked out of 1.00

Hệ thống phát hiện xâm nhập dựa vào dấu hiệu (Signature-based IDS) hoạt động dựa vào yếu tố nào?

- ☐ a. Các dấu hiệu tấn công
- ☐ b. Các dấu hiệu bất thường
- ☐ c. Nội dung website
- ☐ d. Các dấu hiệu bình thường

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Các dấu hiệu tấn công

Question 51

Not answered

Marked out of 1.00

Hệ thống phát hiện xâm nhập dựa vào bất thường (Anomaly-based IDS) hoạt động dựa vào yếu tố nào?

- ☐ a. Nội dung website xấu
- ☐ b. Các hành vi bình thường
- ☐ c. Các hành vi bất thường
- ☐ d. Các tấn công

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Các hành vi bình thường

Question 52

Not answered

Marked out of 1.00

Chế độ hoạt động nào sau đây mã hóa các khối một cách riêng biệt?

- ☐ a. Cipher block chaining mode - CBC
- ☐ b. Cipher feedback mode - CFB
- ☐ c. Electronic codebook mode - ECB
- ☐ d. Output feedback mode – OFB

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Electronic codebook mode - ECB

Question 53

Not answered

Marked out of 1.00

Chuẩn nào sau đây liên quan đến an toàn thông tin?

- ☐ a. ISO 2015
- ☐ b. ISO 27001
- ☐ c. ISO 2600
- ☐ d. ISO 9001

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: ISO 27001

Question 54

Not answered

Marked out of 1.00

Nam làm hỏng máy tính của Lan, tính chất nào sau đây bị vi phạm? (chọn 2)

- ☐ a. Tính sẵn sàng
- ☐ b. Tính toàn vẹn
- ☐ c. Tính bí mật
- ☐ d. Tính xác thực
- ☐ e. Tính chống chối bỏ

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Tính sẵn sàng, Tính toàn vẹn

Question 55

Not answered

Marked out of 1.00

Mô hình Bell La Padula (BLP) qui định cách truy xuất thông tin là gì

- ☐ a. No read down, no write down
- ☐ b. No read up, no write up
- ☐ c. No read down, no write up
- ☐ d. No read up, no write down

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

No read up, no write down

Started on	Thursday, 1 June 2023, 11:00 PM
State	Finished
Completed on	Thursday, 1 June 2023, 11:00 PM
Time taken	7 secs
Marks	0.00/50.00
Grade	0.00 out of 10.00 (0%)

Question 1

Not answered

Marked out of 1.00

Cho mô tả sau:

User Nam có quyền đọc và ghi trên file bt1. Nam cũng có quyền đọc trên file bt2 và có quyền thực thi trên file bt3.

User Ha có quyền đọc trên file bt1. Hà có quyền đọc và ghi trên file bt2. Hà không có quyền truy cập trên file bt3.

Xác định CList (Capability list) đối với user Ha?

- ☐ a. $CList(Ha) = bt1: \{read, write\}, bt2: \{read, write\}, bt3: \{\}$
- ☐ b. $CList(Ha) = bt1: \{read\}, bt2: \{read, write\}, bt3: \{read, write\}$
- ☐ c. $CList(Ha) = bt1: \{read\}, bt2: \{read, write\}, bt3: \{\}$
- ☐ d. $CList(Ha) = bt1: \{read, write\}, bt2: \{write\}, bt3: \{read\}$
- ☐ e. $CList(Ha) = bt1: \{\}, bt2: \{write\}, bt3: \{\}$

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

$CList(Ha) = bt1: \{read\}, bt2: \{read, write\}, bt3: \{\}$

Question 2

Not answered

Marked out of 1.00

Để nâng cao việc phát triển các giải pháp an toàn cho một hệ thống CNTT, người ta tập trung đầu tư vào 3 vấn đề chính là?

- ☐ a. Tăng chi phí đầu tư cho bảo mật
- ☐ b. Đội ngũ chuyên gia bảo mật
- ☐ c. Công nghệ
- ☐ d. Con người
- ☐ e. Quy trình
- ☐ f. Đào tạo nâng cao nhận thức

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Con người,

Quy trình,

Công nghệ

Question 3

Not answered

Marked out of 1.00

Hệ thống phát hiện xâm nhập dựa vào dấu hiệu (Signature-based IDS) hoạt động dựa vào yếu tố nào?

- ☐ a. Các dấu hiệu bình thường
- ☐ b. Các dấu hiệu bất thường
- ☐ c. Các dấu hiệu tấn công
- ☐ d. Nội dung website

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Các dấu hiệu tấn công

Question 4

Not answered

Marked out of 1.00

Một hệ thống kiểm soát truy cập chỉ cấp cho người dùng những quyền cần thiết để họ thực hiện công việc đang hoạt động theo nguyên tắc bảo mật nào?

- ☐ a. Discretionary Access Control
- ☐ b. Least Privilege
- ☐ c. Separation of Duties
- ☐ d. Mandatory Access Control

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Least Privilege

Question 5

Not answered

Marked out of 1.00

Điều gì xảy ra khi máy X sử dụng kỹ thuật ARP spoofing để nghe lén thông tin từ máy Y?

- ☐ a. X giả mạo địa chỉ IP của Y
- ☐ b. Y giả mạo địa chỉ MAC của X
- ☐ c. Y giả mạo địa chỉ IP của X
- ☐ d. X giả mạo địa chỉ MAC của Y

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

X giả mạo địa chỉ MAC của Y

Question 6

Not answered

Marked out of 1.00

Kiểu tấn công nào sau đây **không** phải khai thác các lỗ hổng của ứng dụng Web?

- ☐ a. Cross Site Request Forgery
- ☐ b. Cross-site scripting
- ☐ c. SQL Injection
- ☐ d. Social Engineering

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Social Engineering

Question 7

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công DoS/DDoS làm ảnh hưởng đến tiêu chuẩn nào của an toàn thông tin?

- ☐ a. Tính sẵn sàng
- ☐ b. Tính toàn vẹn
- ☐ c. Tính xác thực
- ☐ d. Tính bí mật
- ☐ e. Tính chống thoái thác

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Tính sẵn sàng

Question 8

Not answered

Marked out of 1.00

Giải pháp Stackshield giúp phòng chống tấn công tràn bộ đệm trên stack thực hiện như sau:

- ☐ a. Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ b. Kiểm tra giá trị Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ c. Lưu trữ giá trị Return Address ở một nơi khác và sử dụng nó để kiểm tra xem giá trị ở Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ d. Kiểm tra chiều dài dữ liệu nhập trước khi thực hiện việc gán dữ liệu

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Lưu trữ giá trị Return Address ở một nơi khác và sử dụng nó để kiểm tra xem giá trị ở Return Address có bị sửa đổi hay không

Question 9

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây là rủi ro tiềm ẩn khi chương trình chạy ở chế độ đặc quyền?

- ☐ a. Nó có thể phục vụ cho việc tạo ra các đoạn mã phức tạp không cần thiết
- ☐ b. Nó có thể tạo ra việc loại bỏ các ứng dụng không cần thiết
- ☐ c. Nó có thể cho phép mã độc được chèn vào
- ☐ d. Nó có thể không thực hiện việc phân chia xử lý các tác vụ

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Nó có thể cho phép mã độc được chèn vào

Question 10

Not answered

Marked out of 1.00

Việc gỡ bỏ những dịch vụ và giao thức không cần thiết gọi là?

- ☐ a. Hardening
- ☐ b. Cleaning
- ☐ c. Nonrepudiation
- ☐ d. Auditing
- ☐ e. Hashing

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Hardening

Question 11

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây sẽ bảo vệ tốt nhất trước cuộc tấn công cụ SQL Injection?

- ☐ a. Lọc dữ liệu người dùng nhập vào
- ☐ b. Lưu lượng truy cập web được mã hóa
- ☐ c. Firewall
- ☐ d. IDS

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Lọc dữ liệu người dùng nhập vào

Question 12

Not answered

Marked out of 1.00

Mục đích chính của các kỹ thuật điều khiển truy cập là?

- ☐ a. Giới hạn các quyền truy cập và các hành động cho người dùng hợp pháp được sử dụng
- ☐ b. Ngăn chặn người dùng trái phép truy cập vào tài nguyên hệ thống
- ☐ c. Cung cấp tất cả các quyền truy cập cho người dùng
- ☐ d. Bảo vệ máy tính khỏi virus

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Giới hạn các quyền truy cập và các hành động cho người dùng hợp pháp được sử dụng

Question 13

Not answered

Marked out of 1.00

Giải pháp StackGuard giúp phòng chống tấn công tràn bộ đệm trên stack thực hiện như sau:

- ☐ a. Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ b. Kiểm tra giá trị Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ c. Lưu trữ giá trị Return Address ở một nơi khác và sử dụng nó để kiểm tra xem giá trị ở Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ d. Kiểm tra chiều dài dữ liệu nhập trước khi thực hiện việc gán dữ liệu

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không

Question 14

Not answered

Marked out of 1.00

Chuẩn nào sau đây liên quan đến an toàn thông tin?

- ☐ a. ISO 9001
- ☐ b. ISO 27001
- ☐ c. ISO 21997
- ☐ d. ISO 2600
- ☐ e. ISO 2015

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

ISO 27001

Question 15

Not answered

Marked out of 1.00

Access control liên quan đến 2 chức năng chính là?

- ☐ a. Rule Based Access Control
- ☐ b. Least privilege principle
- ☐ c. Authorization
- ☐ d. Authentication
- ☐ e. Role Based Access Control

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Authentication,

Authorization

Question 16

Not answered

Marked out of 1.00

Công cụ nào dùng để quét cổng của máy tính

- ☐ a. tracert
- ☐ b. nmap
- ☐ c. ping
- ☐ d. nslookup
- ☐ e. telnet

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

nmap

Question 17

Not answered

Marked out of 1.00

Trong HĐH Linux, để tắt chức năng phát sinh địa chỉ bộ nhớ ngẫu nhiên, sử dụng lệnh nào sau đây?

- ☐ a. `$sudo sysctl -w kernel.randomize_as_space=0`
- ☐ b. `$sudo sysctl -w kernel.randomize_ram_space=0`
- ☐ c. `$sudo sysctl -w kernel.randomize_store_space=0`
- ☐ d. `$sudo sysctl -w kernel.randomize_va_space=0`
- ☐ e. `$sudo sysctl -w kernel.randomize_sa_space=0`

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

`$sudo sysctl -w kernel.randomize_va_space=0`

Question 18

Not answered

Marked out of 1.00

Một máy chủ Web của một công ty được cấu hình các dịch vụ sau: HTTP, HTTPS, FTP, SMTP. Máy chủ này được đặt trong vùng DMZ. Những cổng nào cần phải mở trên Firewall để cho phép máy người dùng có thể sử dụng dịch vụ trên máy này?

- ☐ a. 434, 21, 80, 25, 20
- ☐ b. 80, 20, 21, 25, 443
- ☐ c. 110, 443, 21, 59, 25
- ☐ d. 119, 23, 21, 80, 23

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

80, 20, 21, 25, 443

Question 19

Not answered

Marked out of 1.00

Trong an toàn thông tin, Ping Sweep được sử dụng để làm gì?

- ☐ a. Để xác định vị trí của các host đang hoạt động trên mạng
- ☐ b. Để xác định các cổng đang mở trên mạng
- ☐ c. Để xác định vị trí của các tường lửa trên mạng
- ☐ d. Để xác định các host đang hoạt động trên mạng

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Để xác định các host đang hoạt động trên mạng

Question 20

Not answered

Marked out of 1.00

Sắp xếp các thông tin cho đúng về độ dài đầu ra của các thuật toán mã hóa sau

DES

Choose...

MD5

Choose...

SHA-512

Choose...

3DES

Choose...

AES

Choose...

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

DES → 64bits,

MD5 → 128bits,

SHA-512 → 512bits,

3DES → 64bits,

AES → 128bits

Question 21

Not answered

Marked out of 1.00

Cơ chế kiểm soát truy cập nào cho phép chủ sở hữu dữ liệu tạo và quản lý kiểm soát truy cập?

- ☐ a. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ b. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ c. List Based Access Control (LBAC)
- ☐ d. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ e. Role Based Access Control (RBAC)

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Discretionary Access Control (DAC)

Question 22

Not answered

Marked out of 1.00

Mục tiêu chính của an toàn thông tin là đảm bảo các tính chất theo mô hình C-I-A là?

- ☐ a. Tính chống chối bỏ
- ☐ b. Tính xác thực
- ☐ c. Tính dễ mở rộng
- ☐ d. Tính sẵn sàng
- ☐ e. Tính toàn vẹn
- ☐ f. Tính bí mật

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Tính bí mật,

Tính toàn vẹn,

Tính sẵn sàng

Question 23

Not answered

Marked out of 1.00

Trong tổ chức bộ nhớ của chương trình C, phần Data-Segment lưu các thông tin gì của chương trình?

- ☐ a. Lưu các biến static/global chưa được khởi tạo trong chương trình
- ☐ b. Lưu các biến static/global đã được khởi tạo trong chương trình
- ☐ c. Lưu các đối số của một hàm
- ☐ d. Lưu các biến cục bộ trong chương trình
- ☐ e. Lưu mã nguồn thực thi

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Lưu các biến static/global đã được khởi tạo trong chương trình

Question 24

Not answered

Marked out of 1.00

Tại sao hacker hay sử dụng máy chủ proxy?

- ☐ a. Để tạo một máy chủ ma trên mạng
- ☐ b. Để ẩn hoạt động của chúng trên mạng
- ☐ c. Để tạo kết nối mạnh mẽ hơn với mục tiêu
- ☐ d. Để có được kết nối truy cập từ xa

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Để ẩn hoạt động của chúng trên mạng

Question 25

Not answered

Marked out of 1.00

Câu nào sau đây không phải là một cơ chế điều khiển truy cập?

- ☐ a. Role Based Access Control
- ☐ b. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Subjective Access Control
- ☐ e. Attribute Based Access Control

Your answer is incorrect.

The correct answer is:
Subjective Access Control

Question 26

Not answered

Marked out of 1.00

Mô hình bảo mật theo chiều sâu (defense in depth) gồm các lớp bảo mật theo thứ tự từ trong ra ngoài là?

Layer 3 Choose...

Layer 4 Choose...

Layer 1 Choose...

Layer 2 Choose...

Layer 7 Choose...

Layer 5 Choose...

Layer 6 Choose...

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Layer 3 → Host security,

Layer 4 → LAN security,

Layer 1 → Data security,

Layer 2 → Application security,

Layer 7 → Policies, procedures, awareness,

Layer 5 → Perimeter security,

Layer 6 → Physical security

Question 27

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây KHÔNG đúng khi nói về lỗ hổng 0-day?

- ☐ a. Là lỗ hổng nguy hiểm khi tấn công vào hệ thống chưa có giải pháp bảo vệ
- ☐ b. Là lỗ hổng hacker chưa công bố rộng rãi
- ☐ c. Là lỗ hổng nhà sản xuất chưa kịp vá
- ☐ d. Là lỗ hổng phá hoại hệ thống trong vòng một ngày

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Là lỗ hổng phá hoại hệ thống trong vòng một ngày

Question 28

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công Buffer Overflow có hai loại là?

- ☐ a. Heap và network overflow
- ☐ b. SQL injection và XSS
- ☐ c. Stack và SQL injection
- ☐ d. Stack và memory
- ☐ e. Heap và stack

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Heap và stack

Question 29

Not answered

Marked out of 1.00

Trong mã hóa bất đối xứng (còn gọi là mã hóa hóa công khai). Alice cần **mã hóa** văn bản để gửi cho Bob thì Alice cần dùng khóa gì?

- ☐ a. Khóa Public của Bob
- ☐ b. Khóa Private của Bob
- ☐ c. Khóa Public của Alice
- ☐ d. Khóa Private của Alice

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Khóa Public của Bob

Question 30

Not answered

Marked out of 1.00

Phương pháp nào sau đây là TỐT NHẤT để giảm hiệu quả của các cuộc tấn công lừa đảo trên mạng?

- ☐ a. Quét lỗ hổng cho hệ thống định kỳ
- ☐ b. Phần mềm chống lừa đảo
- ☐ c. Đào tạo nâng cao nhận thức người dùng
- ☐ d. Xác thực 2 yếu tố

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Đào tạo nâng cao nhận thức người dùng

Question 31

Not answered

Marked out of 1.00

Cách tốt nhất để nhận ra hành vi bất thường và đánh ngờ trên hệ thống của bạn là gì?

- ☐ a. Nhận biết các cuộc tấn công mới
- ☐ b. Biết các hoạt động bình thường của hệ thống là như thế nào
- ☐ c. Cấu hình IDS để phát hiện và báo cáo tất cả các lưu lượng bất thường
- ☐ d. Nghiên cứu dấu hiệu hoạt động của các loại tấn công chính

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Biết các hoạt động bình thường của hệ thống là như thế nào

Question 32

Not answered

Marked out of 1.00

Trong các giao thức dưới đây, giao thức nào cho phép xác thực user khi user gán thiết bị vào port layer 2?

- ☐ a. Radius
- ☐ b. 802.3D
- ☐ c. 802.11X
- ☐ d. 802.3

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Radius

Question 33

Not answered

Marked out of 1.00

Mô hình AAA liên quan đến các chứng năng nào sau đây?

- ☐ a. Authentication
- ☐ b. Authorization
- ☐ c. Automation
- ☐ d. Accounting
- ☐ e. Authenticity
- ☐ f. Accessing

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Authentication,

Authorization,

Accounting

Question 34

Not answered

Marked out of 1.00

Một hệ thống xác thực sinh trắc học cho phép một người giả mạo hình thức nhân viên công ty khi vào hệ thống là hiện tượng gì sau?

- ☐ a. False positive
- ☐ b. False negative
- ☐ c. True negative
- ☐ d. True positive

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

False negative

Question 35

Not answered

Marked out of 1.00

Trong mã hóa bất đối xứng (còn gọi là mã hóa hóa công khai). Bob muốn **tạo chữ ký** cho văn bản M để gửi cho Alice. Bob cần dùng khóa gì?

- ☐ a. Khóa Public của Bob
- ☐ b. Khóa Private của Alice
- ☐ c. Khóa Private của Bob
- ☐ d. Khóa Public của Alice

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Khóa Private của Bob

Question 36

Not answered

Marked out of 1.00

1Cho mô tả sau:

User Nam có quyền đọc và ghi trên file bt1. Nam cũng có quyền đọc trên file bt2 và có quyền thực thi trên file bt3.

User Ha có quyền đọc trên file bt1. Hà có quyền đọc và ghi trên file bt2. Hà không có quyền truy cập trên file bt3.

Xác định ACL (Access control list) đối với file bt2?

- ☐ a. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read\}, Ha: \{read, write\}}$
- ☐ b. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read, write\}, Ha: \{read\}}$
- ☐ c. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read, write\}, Ha: \{read, write\}}$
- ☐ d. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read, execute\}, Ha: \{read, write\}}$
- ☐ e. $ACL(bt2) = \text{Nam: \{read\}, Ha: \{read\}}$

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

$ACL(bt2) = \text{Nam: \{read\}, Ha: \{read, write\}}$

Question 37

Not answered

Marked out of 1.00

Giao thức nào sau đây được dùng để mã hóa dữ liệu trao đổi giữa Web Browser và Web server?

- ☐ a. HTTP
- ☐ b. SMTP
- ☐ c. SSL/TLS
- ☐ d. VPN
- ☐ e. IPSec

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

SSL/TLS

Question 38

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào có thể bỏ qua hệ thống xác thực để truy cập vào máy tính?

- ☐ a. Brute Force
- ☐ b. Front door
- ☐ c. Backdoor
- ☐ d. DoS

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Backdoor

Question 39

Not answered

Marked out of 1.00

Hai dạng mã độc nào sau đây sống độc lập?

- ☐ a. Worm
- ☐ b. Logic boom
- ☐ c. Trojan
- ☐ d. Zombie
- ☐ e. Rootkit

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Zombie,

Worm

Question 40

Not answered

Marked out of 1.00

Các khối xử lý nào được dùng trong mã hóa đối xứng AES? (chọn 3)

- ☐ a. ShiftRows
- ☐ b. Shif left
- ☐ c. SubBytes
- ☐ d. Straight P-box
- ☐ e. Compression P-box
- ☐ f. MixRows

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

ShiftRows,

SubBytes,

MixRows

Question 41

Not answered

Marked out of 1.00

Tại sao các nhà phát triển phần mềm đính kèm theo các giá trị băm bằng hàm MD5 của các gói cập nhật cho phần mềm cùng với các gói đó để các khách hàng của họ có thể download từ Internet?

- ☐ a. Khách hàng có thể yêu cầu các bản cập nhật mới cho phần mềm trong tương lai bằng cách sử dụng giá trị hàm băm đính kèm theo
- ☐ b. Khách hàng cần giá trị của hàm băm để có thể kích hoạt được phần mềm mới
- ☐ c. Khách hàng có thể khẳng định tính xác thực của Site mà họ download gói cập nhật về
- ☐ d. Khách hàng có thể xác thực tính toàn vẹn và gói cập nhật cho phần mềm sau khi download về

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Khách hàng có thể xác thực tính toàn vẹn và gói cập nhật cho phần mềm sau khi download về

Question 42

Not answered

Marked out of 1.00

Chế độ hoạt động nào sau đây mã hóa các khối một cách riêng biệt?

- ☐ a. Output feedback mode – OFB
- ☐ b. Cipher block chaining mode - CBC
- ☐ c. Electronic codebook mode - ECB
- ☐ d. Cipher feedback mode - CFB

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Electronic codebook mode - ECB

Question 43

Not answered

Marked out of 1.00

Từ ma trận điều khiển truy cập, ta có thể suy ra các thông tin nào sau đây?

- ☐ a. Capability lists
- ☐ b. Group policy objects
- ☐ c. Objects orientation list
- ☐ d. Subjects orientation lists
- ☐ e. Access control lists

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Access control lists,

Capability lists

Question 44

Not answered

Marked out of 1.00

Mục đích chính của chương trình nâng cao nhận thức bảo mật là?

- ☐ a. Cảnh báo tất cả người dùng truy cập vào tất cả các hệ thống sẽ được theo dõi hàng ngày
- ☐ b. Thông báo cho người dùng để tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu và thông tin
- ☐ c. Đảm bảo rằng mọi người đều hiểu chính sách và thủ tục của tổ chức
- ☐ d. Thông báo cho mọi người rằng quyền truy cập vào thông tin sẽ được cấp khi người sử dụng có yêu cầu

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Đảm bảo rằng mọi người đều hiểu chính sách và thủ tục của tổ chức

Question 45

Not answered

Marked out of 1.00

Loại malware nào sau đây có thể ẩn các tiến trình và các tập tin trên hệ thống?

- ☐ a. Trojan
- ☐ b. Adware
- ☐ c. Worm
- ☐ d. Rootkit

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Rootkit

Question 46

Not answered

Marked out of 1.00

Diffie - Hellman là thuật toán dùng để

- ☐ a. Tạo khoá
- ☐ b. Giải mã khóa
- ☐ c. Mã hóa khóa
- ☐ d. Hash khóa
- ☐ e. Trao đổi khóa

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Trao đổi khóa

Question 47

Not answered

Marked out of 1.00

Ma trận điều khiển truy cập (Access control matrix) thể hiện mối quan hệ giữa các thành phần nào sau đây?

- ☐ a. Subject
- ☐ b. Object
- ☐ c. Database
- ☐ d. Rights/Permissions
- ☐ e. Security policy
- ☐ f. Users

Your answer is incorrect.

The correct answers are:

Subject,

Object,

Rights/Permissions

Question 48

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây mô tả tốt nhất cơ chế kiểm soát truy cập trong đó các quyết định kiểm soát truy cập dựa trên trách nhiệm của người dùng trong một tổ chức?

- ☐ a. RBAC (Role Based Access Control)
- ☐ b. MAC (Mandatory Access Control)
- ☐ c. Rule Based Access Control
- ☐ d. Attribute Based Access Control
- ☐ e. DAC (Discretionary Access Control)

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

RBAC (Role Based Access Control)

Question 49

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công một máy tính bằng cách gửi các gói TCP handshake không đúng thứ tự đến đích (wrong order) xảy ra ở tầng nào?

- ☐ a. Internet layer
- ☐ b. Network layer
- ☐ c. Application layer
- ☐ d. Transport layer
- ☐ e. Network Interface layer

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

Transport layer

Question 50

Not answered

Marked out of 1.00

Thuật toán mật mã nào sau đây dựa trên độ khó của bài toán phân tích các số lớn thành tích của hai thừa số nguyên tố ban đầu?

- ☐ a. DES
- ☐ b. RSA
- ☐ c. Diffie-Hellman
- ☐ d. ECC

Your answer is incorrect.

The correct answer is:

RSA